

Bản án số: 70/2022/HS-ST

Ngày: 14/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**.

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. L T P, sinh năm 1996, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông L T C, sinh năm: 1962 và bà T T H (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/07/2022 đến ngày 07/9/2022 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

2. V K D, sinh năm 1976, tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: B401C/CEHome 2, phường P Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp 5, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V K C, sinh năm: 1944 và bà L T T, sinh năm: 1946; vợ T T H, sinh năm: 1978 (hiện đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/07/2022 đến ngày 07/9/2022 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

3. L Đ N, sinh năm 1990, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L B (đã chết) và bà Đ C, sinh năm: 1956; vợ H N, sinh năm: 1996 và có 02 con, sinh năm 2019 và 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/07/2022 đến ngày 07/9/2022 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

4. T N T, sinh năm 1976, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông T A (đã chết) và bà P T (đã chết); vợ V T Q, sinh năm: 1981, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/07/2022 đến ngày 07/9/2022 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

5. L V Q, sinh năm 1983, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Dỏ, sinh năm: 1943; con bà H D, sinh năm: 1943; vợ V O, sinh năm: 1986, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/07/2022 đến ngày 07/9/2022 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Nhân thân:

Ngày 09/6/2014 bị Công an huyện Cẩm Mỹ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” (Theo Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC). Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 09/6/2014.

Ngày 08/7/2008, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (bản án số 130/2008/HSST). Chấp hành xong ngày 19/6/2010. Đã xóa án tích.

(Các bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L T P là chủ quán cà phê tại ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 01/9/2022, các bị cáo L T P, V K D, L Đ N, T N T cùng đề xuất việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Đánh bài phỏm”. Các bị cáo thỏa thuận số tiền thắng thua mỗi ván là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng, 200.000 đồng, 250.000 đồng, 500.000 đồng và tiền xâu của mỗi ván “Ù” là 50.000 đồng. Phi tham gia đánh bạc đến khoảng 09 giờ thì L V Q đến và thay vị trí của Phi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang tham gia đánh bạc thì bị Công

an huyện Cẩm Mỹ phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền 16.600.000 đồng, 05 bộ bài tây, 01 khăn trải bàn, 01 hộp nhựa màu đen.

Hình thức đánh bài phỏm như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tây 52 lá rồi chia cho 04 người, mỗi người 09 lá bài, người chia bài sẽ nhận được lá bài thứ 10, phần còn lại của bộ bài sẽ được đặt ở giữa bàn. Người chia bài sẽ đánh ra 01 lá bài trên tay của mình. Người kế bên có thể ăn lá bài đó nếu nó kết hợp với những lá bài trên tay tạo thành một phỏm (phỏm là tổ hợp gồm 03 lá bài trở lên giống nhau hoặc có thứ tự liên tiếp cùng chất). Nếu không ăn hoặc không muốn ăn lá bài mà người chia bài đánh xuống thì người này sẽ phải bốc thêm 01 lá bài từ phần bài để giữa bàn, sau đó đánh 01 lá bài trên tay của mình xuống. Những người chơi khác cứ đánh như vậy cho đến khi ván bài kết thúc. Ván bài kết thúc khi có người “Ù”, nếu không có ai “Ù” thì hạ “Phỏm” tính điểm. Nếu tính điểm, mỗi người sẽ tính điểm của mình bằng cách cộng điểm các quân bài lại với nhau, ai có số điểm ít nhất là người thắng. Điểm được tính từ 01 đến 13, tương ứng với các lá bài có chữ A là 01 điểm, lá 02 đến 10 tính điểm trên lá bài, lá bài chữ J tính 11 điểm, chữ Q là 12 điểm, chữ K là 13 điểm. “Phỏm” là phải có ba lá bài trở lên cùng chất hoặc cùng số, chữ với nhau. Với lượt đánh thứ nhất thì người bị ăn lá bài sẽ thua 50.000 đồng cho người ăn, lượt thứ 2 thì thua 100.000 đồng, nếu bị ăn cả 03 lượt thì người chơi phải “đền làng”. Ngoài ra, với lượt đánh cuối cùng, người chơi bị đối phương ăn bài thì sẽ thua 200.000 đồng (ăn chót). Người không có phỏm thua 200.000 đồng.

Ván bài kết thúc khi có người “Ù” (là trường hợp có 03 phỏm hoặc bài sau khi chia không có cặp hoặc phỏm nào khác ngoài các lá bài lẻ (ù khan) hoặc khi phần bài ở giữa bàn đã hết. Nếu phần bài ở giữa bàn đã hết nhưng không có người ù thì những người có phỏm sẽ tính điểm với nhau, ai thấp điểm nhất sẽ thắng, không có phỏm thì thua (cháy bài). Trường hợp người chơi “ù” sẽ thắng 03 người còn lại mỗi người 250.000 đồng, trường hợp ù tròn (cả 10 lá bài trên tay người chơi đều có thể ghép thành phỏm) thì thắng 03 người chơi còn lại, mỗi người 500.000 đồng. Người thắng “Ù” sẽ bỏ ra 50.000 đồng để thanh toán tiền nước và tiền mua bài. Sau mỗi ván, ai về nhất sẽ có quyền chia bài ở ván tiếp theo. Đây là hình thức đánh bạc nhiều người đánh với nhau.

Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định số tiền đánh bạc của các bị cáo như sau:

Bị cáo L T P sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Thắng được 200.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 700.000 đồng.

Bị cáo V K D sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo thua số tiền 3.850.000 đồng, còn lại 150.000 đồng.

Bị cáo L Đ N sử dụng số tiền 4.800.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo thắng được số tiền 6.100.000 đồng.

Bị cáo T N T sử dụng số tiền 4.700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo thua số tiền 4.250.000 đồng, còn lại 450.000 đồng.

L V Q sử dụng số tiền 3.300.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo thắng được số tiền 1.500.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- Số tiền 17.300.000 đồng là tiền thu giữ trên người các bị cáo và các bị cáo giao nộp liên quan việc đánh bạc. Trong đó, 10.500.000 đồng thu trên chiếu bạc, 5.800.000 đồng thu trên người của những người tham gia đánh bạc, 300.000 đồng tiền xâu, 700.000 đồng tiền bị cáo Phi giao nộp.

- 05 bộ bài tây, 01 khăn trải bàn, 01 hộp nhựa màu đen.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSCM ngày 08/11/2022 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; 58; 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo L V Q mức án tù 18 tháng đến 20 tháng tù treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; 58; 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo V K D, L Đ N, L T P, T N T mức án tù 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 321 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bổ sung bị cáo L V Q 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt bổ sung các bị cáo V K D, L Đ N, L T P, T N T mỗi bị cáo 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 17.300.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu, tiêu hủy 05 bộ bài tây, 01 khăn trải bàn, 01 hộp nhựa màu đen.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo trình bày đều biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Từ khoảng 10 giờ ngày 01/9/2022, tại quán cà phê thuộc ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T đang đánh bạc bằng hình thức “Đánh bài phỏm” được thua bằng tiền, với số tiền sử dụng đánh bạc là 17.300.000 đồng. Đối với bị cáo L T P còn cho các bị cáo sử dụng quán cà phê của mình để đánh bạc nhưng số người tham gia đánh bạc cũng như số tiền sử dụng để đánh bạc chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” nên bị cáo Phi là đồng phạm với các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”. Dù cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm Sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đánh bạc là tệ nạn xã hội, dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như phá tán tài sản, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, và làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác như giết người, cướp, trộm cắp tài sản.... Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, trật tự trị an, nếp sống văn minh của xã hội. Do đó cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử cũng xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét một mức án phù hợp.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự; các bị cáo L T P, V K D, L Đ N, T N T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo L V Q phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là lao động chính trong gia đình; các bị cáo L

T P, L Đ N, T N T là lao động chính trong gia đình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra mức án phù hợp đối với từng bị cáo. Trong vụ án này, L V Q sử dụng số tiền đánh bạc thấp thứ hai nhưng bị cáo có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự nên mức hình phạt của bị cáo cao nhất; bị cáo Phi tuy sử dụng số tiền đánh bạc thấp nhất nhưng là người sử dụng quán cà phê của mình làm địa điểm cho các bị cáo khác đánh bạc; bị cáo V K D, sử dụng số tiền đánh bạc tương đương với các bị cáo L Đ N, T N T nhưng lại có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn so với các bị cáo Nam, Tiến nên mức hình phạt của bị cáo Phi, Dụng phải cao hơn các bị cáo Nam, Tiến.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, việc tham gia đánh bạc của các bị cáo chỉ là bộc phát nhất thời, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi cư trú và việc làm ổn định, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần xử phạt bị cáo Quý mức án tù nhưng cho hưởng án treo với một thời gian thử thách và phạt tiền các bị cáo còn lại cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cho các bị cáo cơ hội để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo chăm sóc gia đình.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với bị cáo Quý là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 17.300.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội thu được tại chiếu bạc và trên người các bị cáo thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 05 bộ bài tây, 01 khăn trải bàn, 01 hộp nhựa màu đen là công cụ phạm tội, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T** phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo **L V Q** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **L V Q** cho UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; Điều 35; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo **L T P** 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; Điều 35; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo **V K D** 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; Điều 35; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo **L Đ N** 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Bị cáo **T N T** 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.300.000 (mười bảy triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 05 (năm) bộ bài tây, 01 (một) khăn trải bàn, 01 (một) hộp nhựa màu đen.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/11/2022 và biên lai thu tiền số 0009571 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc các bị cáo V K D, L Đ N, L T P, L V Q, T N T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Thúy Hằng- Lê Đức Dũng

Nguyễn Hoài Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Thúy Hằng- Lê Đức Dũng

Nguyễn Hoài Bảo

